

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **196/2026/DS-ST**

Ngày 23-6-2026

“Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huy Quang
Ông Huỳnh Việt Bắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn, Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích Nhẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 325/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2025 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Công ty cổ phần M (gọi tắt là Công ty M).

Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà C, số B T, phường Y, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Nhật D – Chuyên viên xử lý nợ - Công ty cổ phần M theo văn bản ủy quyền số 11908/2025/UQ-XLN-JUPITER ngày 11/8/2025 (có đơn yêu cầu vắng mặt).

2. Ngân hàng thương mại cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng V1).

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D1 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Nhật D – Chuyên viên xử lý nợ Miền Tây theo văn bản ủy quyền số 951/2025/UQN-PLKHCN6 ngày 20/11/2025 (có đơn yêu cầu vắng mặt).

*** Bị đơn:** Ông Huỳnh Quốc G, sinh năm 1989; số căn cước công dân 096089015068 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: Ấp 2, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Nay là: Ấp 14, xã Nguyễn Phích, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và bản tự khai của người đại diện theo

ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP V có ký với ông Huỳnh Quốc G các hợp đồng cho vay sau:

1. Hợp đồng cho vay số LN2310030445111, ngày 23/6/2023 ông Huỳnh Quốc G vay vốn tại V1 số tiền 1.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ đồng); Thời hạn vay: 84 tháng; Lãi suất: 11.5%; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô.

2. Hợp đồng cho vay số 374-P-5836123, ngày 27/10/2023 số tiền 50.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES BENZ, C300 AMG, 2.0L, AT; biển số: 69A-127.97; số khung: RLMWF4JX4GV001825; số máy: 27492030627486, thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh Quốc G. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp, do ông Huỳnh Quốc G đứng tên sở hữu. Tài sản được thế chấp tại Ngân hàng V1 theo Hợp đồng thế chấp số LN2310030445111, ngày 23/10/2023 được ký giữa Ngân hàng V1 và ông Huỳnh Quốc G. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông Huỳnh Quốc G đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ, khoản vay đã chuyển nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn tại Ngân hàng V1. Ngày 30/6/2024, Ngân hàng V1 đồng ý bán và Công ty M đồng ý mua khoản nợ phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng ký giữa Ngân hàng V1 với ông Huỳnh Quốc G theo Hợp đồng mua bán nợ số 07/2024/VPB-JUPITER cụ thể như sau: Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2310030445111, ngày 23/10/2023 (Đính kèm Hợp đồng mua bán nợ số 07/2024/VPB-JUPITER); Toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 374-P-5836123, ngày 27/10/2023. Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty M kế thừa quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng V1 phát sinh từ các hợp đồng tín dụng và các biện pháp bảo đảm kèm theo tương ứng với phần khoản nợ bán cho Công ty M. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, Ngân hàng V1 tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho J.

Đại diện Ngân hàng V1 và Công ty M đã nhiều lần liên hệ trực tiếp, yêu cầu thanh toán nợ nhưng ông Huỳnh Quốc G không hợp tác và vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tạm tính đến ngày 23/6/2026, ông Huỳnh Quốc G còn nợ Công ty M và Ngân hàng V1 tổng số tiền: 1.566.973.127 đồng, trong đó nợ gốc: 1.035.695.000 đồng, tổng nợ lãi: 531.278.127 đồng.

Theo tỷ lệ sở hữu nợ 90% của Hợp đồng tín dụng số LN2310030445111 và 100% Hợp đồng cho vay số 374-P-5836123, Công ty M yêu cầu ông Huỳnh Quốc G thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 23/6/2026 là: 1.422.317.316 đồng, trong đó nợ gốc là 937.125.500 đồng, tổng nợ lãi là 485.191.816 đồng (nợ lãi trong hạn là 8.405.575 đồng, nợ lãi quá hạn là 474.669.878 đồng, nợ lãi chậm trả là 2.116.363 đồng).

Theo tỷ lệ sở hữu nợ 10% của Hợp đồng tín dụng số LN2310030445111, Ngân hàng V1 yêu cầu ông Huỳnh Quốc G thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 23/6/2026 là: 144.655.811 đồng, trong đó nợ gốc là 98.569.500 đồng, tổng nợ lãi là 46.086.311 đồng (nợ lãi trong hạn: 933.953 đồng, nợ lãi quá hạn: 44.917.207 đồng, nợ lãi chậm trả là 235.151 đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 24/6/2026 trở đi ông Huỳnh Quốc G còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn, lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng V1 và Công ty M (theo tỷ lệ Công ty M 90% - Ngân hàng V1 10%).

Trường hợp ông Huỳnh Quốc G không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng V1 và/hoặc Công ty M có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ, bao gồm: Xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES - BENZ, C300 AMG, 2.0L, AT; biển số: 69A-127.97; số khung: RLMWF4JX4GV001825; số máy: 27492030627486, thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh Quốc G. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp, Số tiền thu được từ việc kê biên phát mãi tài sản bảo đảm sẽ được thanh toán cho Công ty M và Ngân hàng V1 theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ. Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mãi không đủ trả nợ, Ngân hàng V1 và/hoặc Công ty M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mãi các tài sản khác của ông Huỳnh Quốc G để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V1 và/hoặc Công ty M cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ. Buộc ông Huỳnh Quốc G phải chịu tiền án phí và chi phí tố tụng khác (nếu có).

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Huỳnh Quốc G đúng theo quy định nhưng ông G không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Cà Mau trình bày quan điểm:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến ngày đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa Hội đồng xét xử; Thư ký; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 99, 100, 102, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần M và Ngân hàng thương mại cổ phần V. Buộc ông Huỳnh Quốc G phải thanh toán cho Công ty M số tiền tạm tính đến ngày 23/6/2026 là 1.422.317.316 đồng; buộc ông Huỳnh Quốc G phải thanh toán cho Ngân hàng V1 số tiền tạm tính đến ngày 23/6/2026 là 144.655.811 đồng và nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo quy định trong hợp đồng vay đã ký kể từ ngày 24/6/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mãi không đủ thanh toán nợ, Công ty M và Ngân hàng V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát giao các tài sản khác của ông Huỳnh Quốc G để thực hiện nghĩa vụ

thanh toán nợ cho Công ty M và/hoặc Ngân hàng V1 cho đến khi thực tế thanh toán xong khoản nợ; Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành về lệ phí, án phí của Tòa án các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện theo quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Nhật D có đơn yêu cầu vắng mặt; bị đơn ông G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng:

Công ty M yêu cầu ông Huỳnh Quốc G trả tổng số tiền tính đến ngày 23/6/2026 là: 1.422.317.316 đồng, trong đó nợ gốc là 937.125.500 đồng, tổng nợ lãi là 485.191.816 đồng (nợ lãi trong hạn là 8.405.575 đồng, nợ lãi quá hạn là 474.669.878 đồng, nợ lãi chậm trả là 2.116.363 đồng).

Ngân hàng V1 yêu cầu ông Huỳnh Quốc G trả tổng số tiền tính đến ngày 23/6/2026 là: 144.655.811 đồng, trong đó nợ gốc là 98.569.500 đồng, tổng nợ lãi là 46.086.311 đồng (nợ lãi trong hạn: 933.953 đồng, nợ lãi quá hạn: 44.917.207 đồng, nợ lãi chậm trả là 235.151 đồng).

Xét thấy, tại Hợp đồng tín dụng số LN2310030445111, ngày 23/6/2023 và Hợp đồng cho vay số 374-P-5836123, ngày 27/10/2023 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và ông Huỳnh Quốc G thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Sau khi ký kết hợp đồng Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân cho ông G. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng ông G không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng như cam kết nên vi phạm nghĩa vụ trả nợ là bên có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng mà các bên đã thỏa thuận ký kết.

Mặt khác, Hợp đồng mua bán nợ số 07/2024/VPB-JUPITER và Phụ lục 01 đính kèm giữa Ngân hàng V1 với Công ty M tuân thủ các quy định của pháp luật. Việc mua bán nợ được thực hiện theo quy định tại ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng N sửa đổi, bổ sung một số điều của ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Do đó, trên cơ sở tỷ lệ số nợ mua bán giữa Ngân hàng V1 và Công ty M thì Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Huỳnh Quốc G trả cho Công ty M tổng số tiền tính đến ngày 23/6/2026 là: 1.422.317.316 đồng, trong đó nợ gốc là 937.125.500 đồng, tổng nợ

lãi là 485.191.816 đồng (nợ lãi trong hạn là 8.405.575 đồng, nợ lãi quá hạn là 474.669.878 đồng, nợ lãi chậm trả là 2.116.363 đồng).

Buộc ông Huỳnh Quốc G trả cho Ngân hàng V1 tổng số tiền tính đến ngày 23/6/2026 là: 144.655.811 đồng, trong đó nợ gốc là 98.569.500 đồng, tổng nợ lãi là 46.086.311 đồng (nợ lãi trong hạn: 933.953 đồng, nợ lãi quá hạn: 44.917.207 đồng, nợ lãi chậm trả là 235.151 đồng).

[3.2] Về xử lý tài sản bảo đảm:

Để đảm bảo cho khoản vay ngày 23/10/2023 ông Huỳnh Quốc G đã ký kết hợp đồng thế chấp Xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES BENZ, C300 AMG, 2.0L, AT; biển số: 69A-127.97; số khung: RLMWF4JX4GV001825; số máy: 27492030627486, thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh Quốc G. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp, do ông Huỳnh Quốc G đứng tên sở hữu. Tài sản được thế chấp tại V1 theo Hợp đồng thế chấp số LN2310030445111 ngày 23/10/2023 được ký giữa Ngân hàng V1 và ông Huỳnh Quốc G là trên tinh thần tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Do đó, hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng V1 với bị đơn là có hiệu lực, trường hợp ông G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại hợp đồng tín dụng nói trên thì Công ty M và Ngân hàng V1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản tại hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 800.000 đồng, do yêu cầu của Công ty M và Ngân hàng V1 được chấp nhận nên buộc ông G trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty cổ phần M số tiền 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 59.009.000 đồng (làm tròn).

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí, nguyên đơn đã dự nộp được nhận lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các điều 99, 100, 102, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M và Ngân hàng thương mại cổ phần V về việc yêu cầu ông Huỳnh Quốc G thanh toán khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số LN2310030445111, ngày 23/6/2023 và Hợp đồng cho vay số 374-P-5836123, ngày 27/10/2023.

Buộc ông Huỳnh Quốc G trả cho Công ty M tổng số tiền tính đến ngày 23/6/2026 là: 1.422.317.316 đồng, trong đó nợ gốc là 937.125.500 đồng, tổng nợ lãi là 485.191.816 đồng (nợ lãi trong hạn là 8.405.575 đồng, nợ lãi quá hạn là 474.669.878 đồng, nợ lãi chậm trả là 2.116.363 đồng); buộc ông Huỳnh Quốc G trả cho Ngân hàng V1 tổng số tiền tính đến ngày 23/6/2026 là: 144.655.811 đồng, trong đó nợ gốc là 98.569.500 đồng, tổng nợ lãi là 46.086.311 đồng (nợ lãi trong hạn: 933.953 đồng, nợ lãi quá hạn: 44.917.207 đồng, nợ lãi chậm trả là 235.151 đồng) và nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn phải thanh toán theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng kể từ ngày 24/6/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận đã ký kết với Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay số LN2310030445111, ngày 23/6/2023 và Hợp đồng cho vay số 374-P-5836123, ngày 27/10/2023.

2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp ông Huỳnh Quốc G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại hợp đồng tín dụng nói trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp số LN2310030445111 ngày 23/10/2023 với Ngân hàng V1 thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES BENZ, C300 AMG, 2.0L, AT; biển số: 69A-127.97; số khung: RLMWF4JX4GV001825; số máy: 27492030627486, thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh Quốc G. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp, do ông Huỳnh Quốc G đứng tên sở hữu để thu hồi nợ.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Huỳnh Quốc G phải chịu 59.009.000 (làm tròn) (Năm mươi chín triệu không trăm lẻ chín nghìn) đồng.

Công ty cổ phần M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 24.745.720 (Hai mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm hai mươi) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006077 ngày 09 tháng 12 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Cà Mau được nhận lại.

Ngân hàng thương mại cổ phần V đã nộp tạm ứng án phí tiền 3.129.693 (Ba triệu một trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi ba) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006075 ngày 09 tháng 12 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Cà Mau được nhận lại.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng, buộc ông Huỳnh Quốc G trả cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 2 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 2 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lụa